

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 725 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình đường
giao thông từ bản Na Tao xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh,
huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 17/5/2011; Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình đường giao thông từ bản Na Tao xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Thực hiện Văn bản số 12899/UBND-THKH ngày 27/12/2014; Văn bản số 13476/UBND-CN ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương bổ sung dự án đường giao thông từ bản Na Tao xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 581/SKHĐT-TĐ ngày 26/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông từ bản Na Tao xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Khái quát dự án

Dự án đường giao thông từ bản Na Tao xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 17/5/2011; số 3526/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 với TMBT là 1.211.139 triệu đồng (trong đó, chi phí xây dựng là 1.021.622 triệu đồng; chi phí quản lý dự án là 8.795 triệu đồng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 25.108 triệu đồng; chi phí khác là

10.510 triệu đồng; chi phí bồi thường GPMB là 35.000 triệu đồng; chi phí dự phòng 110.104 triệu đồng).

Nguồn vốn: Trung ương hỗ trợ từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Hiện nay, dự án đã được giao kế hoạch vốn là 967,268 tỷ đồng và đang triển khai thực hiện giá trị khối lượng thực hiện ước đạt 796 tỷ đồng, khoảng 80% giá trị hợp đồng.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện, để phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo ổn định công trình, cần phải điều chỉnh giải pháp kỹ thuật một số hạng mục công trình; đồng thời, để phát huy hiệu quả đầu tư, từng bước hoàn thiện mạng lưới đường giao thông trên địa bàn huyện Mường Lát cần bổ sung một số tuyến đường nhánh kết nối với các thôn, bản chưa có đường ô tô. Mặt khác, giá nguyên, nhiên, vật liệu và chế độ chính sách nhà nước có những thay đổi và chi phí bồi thường GPMB tăng cao; Chủ tịch UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương điều chỉnh dự án tại các văn bản số 12899/UBND-THKH ngày 27/12/2014 và số 13476/UBND-CN ngày 29/12/2015. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án là cần thiết và phù hợp.

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh giải pháp kỹ thuật

- Không đầu tư hạng mục rãnh đỉnh trên toàn tuyến với tổng chiều dài khoảng 1.812m.

- Điều chỉnh giải pháp kỹ thuật tại các đoạn Km0 - Km16, Km28 - Km34+499 tuyến chính; Km0-Km12+841,1 tuyến nhánh 1; Km0-Km6+187,52 tuyến nhánh 2: cắt giảm, không đầu tư rãnh bậc thêm (tổng chiều dài khoảng 64.255,14m), dốc nước.

3.2. Bổ sung các tuyến nhánh

- *Tuyến nhánh số 3*: Đường từ bản Cá Nội đi bản Hua Pù, chiều dài khoảng 2,5km, đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380 - 2014; bề rộng nền đường $B_n = 4m$, bề rộng mặt đường $B_m = 3m$; điểm đầu giao với tuyến chính tại Km7+312, điểm cuối tại bản Hua Pù xã Pù Nhi.

- *Tuyến nhánh số 4*: Đường từ bản Na Tao đi bản Pa Đén, chiều dài khoảng 4,6km, đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380 - 2014; bề rộng nền đường $B_n = 4m$, bề rộng mặt đường $B_m = 3m$; điểm đầu giao với tuyến chính tại Km0+524, điểm cuối tại bản Pa Đén xã Pù Nhi.

- *Tuyến nhánh số 5*: Đường từ bản Pù Quăn đi bản Chiên Pục, xã Tén Tàn, chiều dài khoảng 6km, đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380 - 2014; bề rộng nền đường $B_n = 5m$, bề rộng mặt đường $B_m = 3,5m$; điểm đầu giao với tuyến chính tại Km10+364, điểm cuối nối với tuyến đường từ bản Na Khà đi bản Chiên Pục, xã Tén Tàn (Đoàn kinh tế quốc phòng 5

đã đầu tư).

- Kết cấu móng, mặt đường: Mặt đường láng nhựa, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²; cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc} \geq 91\text{Mpa}$; đoạn có độ dốc dọc $i \geq 11\%$ sử dụng kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Riêng tuyến nhánh số 4 không đầu tư móng, mặt đường.

- Kết cấu nền đường: Đắp bằng đất đồi (đảm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái taluy 1/1,5 (tại những đoạn đường đắp cao, xây tường chắn BTXM M150); gia cố mái taluy bằng trồng cỏ. Đối với nền đường đào: Độ dốc mái taluy là 1/0,25 ÷ 1/1 tùy thuộc vào địa chất của từng đoạn (đối với những đoạn đường có chiều cao đào lớn, thì cứ 16m (đối với địa chất là đá) hoặc 12m (đối với địa chất là đất), tạo bậc thêm rộng 2m để đảm bảo ổn định mái dốc.

- Thoát nước dọc: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc (kích thước tùy thuộc vào địa chất). Tại những đoạn có độ dốc $i \geq 6\%$, địa chất là đất, đá phong hóa mạnh, gia cố rãnh bằng đá hộc xây VXM.

- Công trình thoát nước ngang: Xây dựng vĩnh cửu, tải trọng thiết kế H13-X60; tần suất thiết kế $P = 4\%$ đối với cống và cầu nhỏ, $P = 100\%$ đối với tràn.

- Hệ thống an toàn giao thông, thiết kế mới theo “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT”.

3.3. Diện tích sử dụng đất: Điều chỉnh từ 120ha thành 150ha (trong đó diện tích sử dụng đất của 3 tuyến nhánh bổ sung khoảng 30ha).

3.4. Tổng mức đầu tư

- Phần khối lượng thực hiện theo dự án đã phê duyệt: Điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công cho phần khối lượng thực hiện sau ngày 01/01/2013 theo mức lương tối thiểu tăng từ 1.400.000đ lên 1.650.000 đ/tháng.

- Phần khối lượng bổ sung: Xác định theo chi phí nhân công, máy thi công và giá nguyên, nhiên, vật liệu tại thời điểm quý II năm 2015.

- Tổng mức đầu tư:	1.211.139 triệu đồng;
<i>Trong đó:</i>	
- Chi phí xây dựng	: 1.056.447 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	: 11.215 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	: 33.006 triệu đồng;
- Chi phí khác	: 15.129 triệu đồng;
- Chi phí bồi thường GPMB	: 71.270 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	: 24.072 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết TMDT điều chỉnh kèm theo)

3.5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Điều chỉnh từ không quá 5 năm thành từ 2011 - 2017.

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 17/5/2011; Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện, nghiên cứu tiếp thu và hoàn chỉnh các ý kiến tại Văn bản số 581/SKHĐT-TĐ ngày 26/02/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn



Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án đường giao thông từ bản Nà Tào xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Hạng Mục	Theo Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Trong đó		Chênh lệch (+) tăng; (-) giảm
				Điều chỉnh giải pháp kỹ thuật	Bổ sung các tuyến nhánh	
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	1.211.139,00	1.211.139,00	1.000.801,66	203.835,05	
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.021.622,00	1.056.447,00	896.924,00	159.523,00	34.825
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	8.795,00	11.215,00	9.522,00	1.693,00	2.420
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	25.108,00	33.006,00	23.749,16	8.020,00	7.898
1	Khảo sát, lập DAĐT+Điều chỉnh DA	5.697,64	8.713,64	5.697,64	3.016,00	3.016,00
2	Khảo sát, lập TKBVTC	9.369,77	12.458,77	9.369,77	3.089,00	3.089
3	Thẩm tra TKBVTC-DT	590,84	590,84	590,84		
4	Tư vấn lựa chọn nhà thầu các gói thầu	236,84	555,84		319,00	319
5	Giám sát thi công xây dựng công trình	6.436,22	7.818,91	6.637,91	1.181,00	1.383
6	Kiểm định chất lượng công trình	1.000,00	1.000,00			
7	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	1.087,00	1.108,00	763,00	345,00	21
8	Đánh giá tác động môi trường	590,00	590,00	590,00		
9	Thẩm tra an toàn giao thông	100,00	170,00	100,00	70,00	
V	CHI PHÍ KHÁC	10.510,00	15.129,00	2.570,00	7.293,55	4.619
1	Thẩm định DAĐT+điều chỉnh DAĐT	58,45	58,45			
2	Thẩm định TKBVTC-DT	172,62	243,62		71,00	
3	Thẩm định KQĐT	50,00	103,55		53,55	53,55
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	354,00	359,00			5
5	Kiểm toán công trình	1.020,00	1.030,00			10,00
6	Bảo hiểm xây dựng công trình	3.565,38	4.123,38		558,00	558
7	Rà phá bom mìn	5.290,00	3.155,00	2.570,00	585,00	-2.135
8	Chi phí hạng mục chung		6.026,00		6.026,00	6.026

TT	Hạng Mục	Theo Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Trong đó		Chênh lệch (+) tăng; (-) giảm
				Điều chỉnh giải pháp kỹ thuật	Bổ sung các tuyến nhánh	
9	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		30,00			30
VI	CHI PHÍ BÒI THƯỜNG GPMB	35.000,00	71.270,00	56.000,00	15.270,00	36.270
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	110.104,00	24.072,00	12.036,50	12.035,50	-86.032